TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29-6-2018
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồng Chí Tín.

Ông Lê Xuân Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2018/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Bích T, sinh năm 1984; cư trú tại ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Thanh T, sinh năm 1980; cư trú tại ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 4 năm 2018 của chị Trần Thị Bích T và quá trình tố tụng tại Tòa án chị T trình bày: Chị và anh Lê Thanh T tự nguyện chung sống vào năm 2003, đến năm 2005 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N,

tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, lối sống, bản thân anh T không quan tâm đến kinh tế gia đình làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và tự sống riêng từ năm 2016 đến nay. Gia đình hai bên đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành nên chị yêu cầu ly hôn cùng anh T.

Về con chung có hai người tên Lê Minh A, sinh năm 2003 và Lê Minh Đ, sinh năm 2007 đang ở cùng chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi hai người con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản không có nên chị không yêu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai và đơn đề nghị vắng mặt ngày 21 tháng 5 năm 2018 của anh Lê Thanh T trình bày: Anh và chị Trần Thị Bích T tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hợp nhau dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc và không thể hàn gắn được nên anh chấp nhận ly hôn cùng chị T.

Về con chung có hai người như chị T trình bày hiện đang ở cùng chị T, sau khi ly hôn anh chấp nhận giao hai người con cho chị T nuôi.

Về tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác và đề nghị vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Đối với Lê Minh A và Lê Minh Đ có nguyện vọng ở cùng chị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng pháp luật. Đề nghị chấp nhận cho chị T ly hôn cùng anh T, giao hai người con cho chị T nuôi, không cấp dưỡng, tài sản không xem xét giải quyết, buộc chị T chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Trần Thị Bích T được Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Lê Thanh T có đơn đề nghị vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bọ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt anh T.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Bích T và anh Lê Thanh T được xác lập vào năm 2003 và đến năm 2005 đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập nên hôn nhân được xác định là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết. Quá trình chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là có sự bất hòa nhau trong đời sống vợ chồng, thường không tin tưởng lẫn nhau và đã kéo dài nhiều năm không giải quyết được. Hiện tại, anh chị mỗi người sống một nơi, thời gian ngày càng kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa diệu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Xét thấy, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa phía anh T đồng ý ly hôn cùng chị T nên chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Thời gian chung sống, chị T và anh T có hai người con đang ở cùng chị T, sau khi ly hôn anh T thống nhất giao hai người con cho chị T nuôi theo nguyện vọng của con, xét thấy các đương sự đã có sự thỏa thuận trong việc nuôi con và sự thỏa thuận của các đương sự không trái với quy định của pháp luật được chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Phần cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không đặt ra.

Anh T có quyền thăm nôm, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về chia tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên không giải quyết trong cùng vụ án.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Bích T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, được khấu trừ phần tạm ứng án phí chị T đã nộp.

[7] Xét ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát trong việc giải quyết vụ án là có căn cứ được chấp nhận.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử vắng mặt anh Lê Thanh T.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Bích T được ly hôn cùng anh Lê Thanh T.

Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Bích T được nuôi hai người con đang ở cùng chị gồm: Lê Minh A, sinh năm 2003 và Lê Minh Đ, sinh năm 2007, không đặt ra việc cấp dưỡng.

Anh T có quyền thăm nôm, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không đươc lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị T.

Về chia tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Trần Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng, chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014164 ngày 06/4/2018 được khấu trừ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Hải